

## ĐÁP ÁN KIỂM TRA HỌC KÌ I- NĂM HỌC 2020-2021- MÔN GD CD 12

### ĐỀ 121

I) Phần trắc nghiệm: (6 điểm)

<b>Câu</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>10</b>	<b>11</b>	<b>12</b>
<b>Đáp án</b>	C	A	A	C	C	A	A	B	D	A	C	B
<b>Câu</b>	<b>13</b>	<b>14</b>	<b>15</b>	<b>16</b>	<b>17</b>	<b>18</b>	<b>19</b>	<b>20</b>	<b>21</b>	<b>22</b>	<b>23</b>	<b>24</b>
<b>Đáp án</b>	D	B	C	B	C	B	B	C	A	A	C	B

II) Phần tự luận: (4 điểm)

*Câu 1 (2 điểm)*

Các quy phạm pháp luật (kết quả của hoạt động xây dựng pháp luật) muốn đi vào cuộc sống, áp dụng vào thực tế thì cần đến hoạt động “**thực hiện pháp luật**”. Hay nói cách khác, thực hiện pháp luật được hiểu là những hoạt động làm cho các quy phạm pháp luật được thực hiện trên thực tế và trở thành hành vi hợp pháp của các chủ thể thực hiện.

Hiện nay, thực hiện pháp luật được phân chia thành 04 hình thức như sau:

1. Tuân thủ pháp luật;
2. Thi hành (chấp hành) pháp luật;
3. Sử dụng (vận dụng) pháp luật;
4. Áp dụng pháp luật.

Tiêu chí	Tuân thủ pháp luật	Thi hành pháp luật	Áp dụng pháp luật	Sử dụng pháp luật
<b>Khái niệm</b>	Chủ thể pháp luật kiềm chế mình để không thực hiện điều pháp luật cấm	Chủ thể pháp luật chủ động thực hiện điều pháp luật yêu cầu.	Cán bộ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức cho các chủ thể khác thực hiện quyền hoặc nghĩa vụ do pháp luật quy định.	Chủ thể pháp luật thực hiện điều mà pháp luật cho phép.
<b>Bản chất</b>	Thực hiện pháp luật có tính chất <b>thụ động</b> và thể hiện dưới dạng “hành vi không hành động”.	<b>Chủ động, tích cực</b> thực hiện pháp luật dưới hình thức “hành vi	Vừa là hoạt động thực hiện pháp luật của các cơ quan nhà nước, nó vừa là một hình thức thực hiện pháp luật, vừa là một giai đoạn mà các cơ quan nhà nước có	Các chủ thể lựa chọn xử sự những điều pháp luật cho phép. Đó có thể là “hành vi hành động” hoặc “hành vi không hành động” <b>tùy quy định pháp luật cho</b>

		hành động”.	thẩm quyền tiến hành tổ chức cho các chủ thể pháp luật khác thực hiện các quy định pháp luật. -> <b>Mang tính quyền lực nhà nước.</b> Được thể hiện dưới hình thức “hành vi hành động” và “hành vi không hành động”	<b>phép.</b>
<b>Ví dụ</b>	Pháp luật cấm hành vi mua, bán dâm. Do đó, “không thực hiện hành vi mua, bán dâm” được xem là tuân thủ pháp luật.	Pháp luật quy định về nghĩa vụ đóng thuế thu nhập cá nhân/ thuế thu nhập doanh nghiệp. Do đó, nếu không thuộc trường hợp miễn thuế/đối tượng không chịu thuế thì chủ thể đóng thuế được xem là “thi hành pháp luật”.	Khi A khởi kiện B ra tòa, tòa án đó có trách nhiệm xem xét và thụ lý đơn khởi kiện của A. Theo đó, tòa án được xem là cơ quan “áp dụng pháp luật”	Khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị B xâm phạm, A có quyền khởi kiện B ra tòa án vì pháp luật trao cho A quyền được khởi kiện B ra tòa án có thẩm quyền. Khi đó, A được xem là đang “sử dụng pháp luật”.
<b>Chủ thể thực hiện</b>	<b>Mọi chủ thể</b>		<b>Chỉ cán bộ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền</b>	<b>Mọi chủ thể</b>
<b>Hình thức thể hiện</b>	Thường được thể hiện dưới dạng những <b>quy phạm cấm đoán.</b> Tức là quy phạm buộc chủ thể không được thực hiện những hành vi nhất định	Thường được thể hiện dưới dạng những <b>quy phạm bắt buộc.</b> Theo đó, chủ thể buộc phải thực hiện hành vi hành động,	<b>Tất cả các loại quy phạm</b> vì nhà nước có nghĩa vụ cũng như quyền hạn tổ chức cho các chủ thể khác thực hiện pháp luật.	Thường được thể hiện dưới những <b>quy phạm trao quyền.</b> Tức pháp luật quy định về quyền hạn cho các chủ thể.

		hợp pháp.		
<b>Bắt buộc thực hiện</b>	Tuân theo pháp luật, thi hành pháp luật và áp dụng pháp luật là những hình thức mà mọi chủ thể đều <b>bắt buộc phải thực hiện</b> theo quy định pháp luật mà không có sự lựa chọn.			Các chủ thể có thể thực hiện hoặc không thực hiện quyền được pháp luật cho phép <b>tùy theo ý chí của mình, phụ thuộc vào sự lựa chọn của từng chủ thể</b> chứ không bị ép buộc phải thực hiện.

*Câu 2(2điểm):*

*Kết thúc giờ học Giáo dục công dân, Quỳnh và Nhân tranh luận với nhau về nội dung của quyền tự do kinh doanh. Quỳnh cho rằng: “Công dân có quyền tự do kinh doanh bất cứ nghề gì, hàng gì. Đó mới là nội dung của quyền tự do kinh doanh”. Nhân không đồng tình với quan điểm trên, mà hiểu rằng kinh doanh phải trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Ý kiến của bạn nào đúng, bạn nào sai? Hãy giải thích rõ hơn về quyền tự do kinh doanh?*

**Trả lời**

Ý kiến bạn Nhân đúng.

Quyền tự do kinh doanh là quyền của công dân được lựa chọn hình thức tổ chức kinh tế, ngành nghề và quy mô kinh doanh.

Quyền tự do kinh doanh là một trong các quyền cơ bản của công dân, được quy định tại Điều 57 Hiến pháp năm 1992 và trong pháp luật về kinh doanh:

*“Công dân có quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật”.*

Theo quy định của Hiến pháp, công dân có quyền tự do kinh doanh nhưng phải trong khuôn khổ pháp luật. Người kinh doanh phải tuân theo quy định của pháp luật và sự quản lý của Nhà nước như phải kê khai đúng số vốn, kinh doanh đúng ngành, mặt hàng ghi trong giấy phép, không kinh doanh những lĩnh vực mà Nhà nước cấm như thuốc nổ, vũ khí, ma túy, mại dâm...

**ĐỀ 122**

I)Phần trắc nghiệm:( 6điểm)

<b>Câu</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>10</b>	<b>11</b>	<b>12</b>
<b>Đáp án</b>	A	C	D	C	B	B	B	A	B	B	D	B

<b>Câu</b>	<b>13</b>	<b>14</b>	<b>15</b>	<b>16</b>	<b>17</b>	<b>18</b>	<b>19</b>	<b>20</b>	<b>21</b>	<b>22</b>	<b>23</b>	<b>24</b>
<b>Đáp án</b>	C	A	A	A	D	A	D	A	C	D	B	C

II)Phân tự luận:(4 điểm)

**Câu 1(2 điểm):** Hãy phân biệt sự khác nhau giữa vi phạm hình sự và vi phạm hành chính. Nêu ví dụ?

**Trả lời**

	<b>Vi phạm hình sự</b>	<b>vi phạm hành chính</b>
Giống nhau	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Điều là hành vi vi phạm, xâm hại trật tự pháp luật được đặt ra bởi Nhà nước và phải chịu những trách nhiệm pháp lí tương đương</li> <li>– Độ tuổi phải chịu trách nhiệm pháp lí từ 14 tuổi trở lên.</li> </ul>	
Khác nhau	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị coi là tội phạm được quy định tại Bộ luật Hình sự</li> <li>– Chủ yếu là hình phạt tước tự do của người phạm tội do tòa án áp dụng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Là hành vi vi phạm pháp luật có mức độ nguy hiểm cho xã hội thấp hơn tội phạm, xâm phạm các quy tắc quản lí nhà nước.</li> <li>– Chế độ xử phạt chủ yếu đánh vào yếu tố vật chất, tinh thần của người vi phạm (cảnh cáo, phạt tiền)</li> </ul>
Ví dụ	Bạn A do thiếu tiền tiêu xài đã liều vận chuyển ma túy cho kẻ xấu, bị công an bắt được và xử lí.	Bạn B học lớp 12, do dậy loạn, bạn cố ý đi vào đường cấm để kịp đến trường. Đang đi, bạn bị chú công an yêu cầu dừng lại và lập biên bản.

**Câu 2. Nam cho rằng: “Người chủ sử dụng lao động đã bỏ tiền ra để thuê người lao động làm việc cho mình nên xét về mặt pháp luật, người sử dụng lao động có nhiều quyền hơn người lao động” Xin hỏi: Nam nhận định như vậy có đúng không?**

**Trả lời:**

Nam nhận định như vậy là không đúng vì:

Theo Điều 7 của Bộ luật Lao động năm 2012 thì “Quan hệ lao động giữa người lao động hoặc tập thể lao động với người sử dụng lao động được xác lập qua đối thoại, thương lượng, thoả thuận theo nguyên tắc tự nguyện, thiện chí, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau.”

Xét về khía cạnh pháp luật, người lao động và người sử dụng lao động bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ. Hai bên giao kết hợp đồng lao động với nhau dựa trên nguyên tắc Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực và tôn trọng quyền và lợi ích của nhau.

Khi tham gia vào quan hệ lao động, người lao động và người sử dụng lao động phải có hợp đồng lao động, trong đó thoả thuận với nhau về công việc, thời giờ làm việc, mức lương....

Hợp đồng lao động sẽ là căn cứ để xác định quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động trong quá trình làm việc. Người sử dụng lao động cũng không được phép vi phạm hợp đồng lao động để xâm phạm đến quyền lợi của người lao động.

### ĐỀ 123

I) Phần trắc nghiệm: (6 điểm)

<b>Câu</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>10</b>	<b>11</b>	<b>12</b>
<b>Đáp án</b>	C	D	B	D	A	A	A	A	A	B	C	C
<b>Câu</b>	<b>13</b>	<b>14</b>	<b>15</b>	<b>16</b>	<b>17</b>	<b>18</b>	<b>19</b>	<b>20</b>	<b>21</b>	<b>22</b>	<b>23</b>	<b>24</b>
<b>Đáp án</b>	C	C	A	A	C	D	C	B	B	C	A	B

II) Phần tự luận: (4 điểm)

*Nguyên tắc bình đẳng được thể hiện như thế nào trong quan hệ giữa vợ và chồng? Thực hiện nguyên tắc bình đẳng trong quan hệ giữa vợ và chồng có ý nghĩa như thế nào đối với người phụ nữ trong giai đoạn hiện nay?*

**Trả lời:**

**Nguyên tắc bình đẳng giữa vợ và chồng được thể hiện trong quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản.**

+ Trong quan hệ nhân thân: Vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc lựa chọn nơi cư trú; tôn trọng và giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhau; giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Vợ chồng bình đẳng với nhau trong việc bàn bạc, quyết định lựa chọn và sử dụng biện pháp kế hoạch hóa gia đình phù hợp; sử dụng thời gian nghỉ chăm sóc con ốm theo quy định của pháp luật.

+ Trong quan hệ tài sản: Vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, thể hiện ở các quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt. Những tài sản chung của vợ, chồng mà pháp luật quy định phải đăng kí quyền sở hữu thì trong giấy chứng nhận quyền sở hữu phải ghi tên cả vợ và chồng. Việc mua, bán, đổi, cho, vay, mượn và những giao dịch dân sự khác liên quan đến tài sản chung, có giá trị lớn hoặc là nguồn sống duy nhất của gia đình, việc dùng tài sản chung để đầu tư kinh doanh phải được bàn bạc, thỏa thuận giữa vợ và chồng.

+ Ngoài ra, pháp luật còn thừa nhận vợ, chồng có quyền có tài sản riêng và có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản riêng của mình (tài sản có trước khi kết hôn, tài sản được thừa kế riêng, cho, tặng riêng trong thời kì hôn nhân)

**– Thực hiện nguyên tắc bình đẳng trong quan hệ giữa vợ và chồng có ý nghĩa:**

+ Tạo cơ sở để vợ, chồng củng cố tình yêu, đảm bảo được sự bền vững của hạnh phúc gia đình.

+ Vừa phát huy truyền thống của dân tộc về tình nghĩa vợ chồng, vừa khắc phục được tư tưởng phong kiến lạc hậu, trọng nam khinh nữ, bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ trong gia đình

### **ĐỀ 124**

I) Phần trắc nghiệm: (6 điểm)

<b>Câu</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>10</b>	<b>11</b>	<b>12</b>
<b>Đáp án</b>	C	C	B	D	D	A	A	A	A	C	B	B
<b>Câu</b>	<b>13</b>	<b>14</b>	<b>15</b>	<b>16</b>	<b>17</b>	<b>18</b>	<b>19</b>	<b>20</b>	<b>21</b>	<b>22</b>	<b>23</b>	<b>24</b>
<b>Đáp án</b>	C	D	C	C	B	C	B	D	A	D	C	A

II) Phần tự luận: (4 điểm)

Câu 1: (2 điểm) Dấu hiệu của vi phạm pháp luật

Thứ nhất: Hành vi trái pháp luật: +hành động

+không hành động

Thứ hai: Do người có năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện

Thứ ba: Người vi phạm pháp luật phải có lỗi

Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, có lỗi, do người có năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện, xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ

Câu 2 (2 điểm)

Quan điểm trên là sai. Phụ nữ cũng có thể thành đạt như nam giới. Đó là quyền bình đẳng của công dân trên nguyên tắc “ mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật”. Nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

HS trình bày theo ý kiến cá nhân